

Thuyết Bốn Đế

Giáo sư Minh Chi

-[04]-

III. DIỆT THÁNH ĐẾ, TỨC NIẾT BÀN:

Diệt thánh đế, từ Sanskrit là Dukkhamrodha ariyasacca, nghĩa là cảnh giới đã diệt trừ mọi khổ não. Một tên gọi khác là Niết Bàn. Từ Sanskrit là Nirvana. Từ Pali là Nibbana, với các nghĩa dập tắt, thổi tắt. (Thổi tắt, dập tắt ngọn lửa phiền não).

Kinh Tăng Nhất A Hàm viết: "nếu có vị đệ tử được chơn chánh giải thoát, tâm vị ấy vắng lặng (không thể xao động), việc làm, đã làm, không còn việc gì để làm nữa; nhiệm vụ cần làm đã làm, không còn nhiệm vụ gì phải làm nữa. Giống như tảng đá lớn gió thổi không động, sắc, thanh, hương, vị mọi cảm xúc đẹp đẽ cho đến mọi chuyện thích thú hay không thích thú đều không làm cho dao động. Vị ấy, có nội tâm kiên cố, thường trụ, giải thoát". (Tăng Nhất A Hàm 3-378-9)

Niết Bàn là mục tiêu tối hậu của đạo Phật. Nhưng Niết Bàn là gì? Không thể lấy tư duy và ngôn ngữ bình thường để mô tả trực tiếp được. Do đó mà sách Phật thường dùng các từ ngữ phủ định hay phân diện để nói về Niết Bàn như: Diệt tham, vô vị tịch diệt, vô từ... Niết Bàn đã là cảnh giới siêu thời gian và không gian, còn chúng ta thì dùng tư duy và ngôn ngữ thế gian, tất nhiên không thể nào dùng tư duy và ngôn ngữ đó để trực tiếp miêu tả Niết Bàn được.

Sau đây, trích một đoạn văn trong "Tương Ưng bộ Kinh" ghi lại lời Phật trả lời du sĩ Vaccha.

[Samyutta Nikaya - 1069 - 76, chuyển dịch từ Conze - Buddhist Thought in India, p.77-79]

Vaccha hỏi Phật:

"Hi hữu Tôn giả, Đức Thích Ca vĩ đại. Biển sanh tử kia, mệnh mang không bờ, muốn vượt khỏi biển đó, phải dựa vào pháp môn của Phật. Con nay mong cầu, Bạc Nhất Thiết Trí, chỉ bày cho con, con đường giải thoát, để con hành trì và y chỉ, cầu vượt biển sanh tử".

Phật trả lời: "Luôn luôn giữ chánh niệm, quan sát rõ ràng, (thấy) bất cứ lúc nào, các pháp đều là không, nếu có quyết tâm, dựa vào (quan điểm) các pháp đều là không, thì có thể vượt qua biển lớn sanh tử. Đoạn trừ mọi dục lạc, không nói như cầm, ngày đêm sáu thời, yên lặng nội quán, phát tâm dũng mãnh, đoạn trừ tham dục, công phu như vậy, tất yếu sẽ thoát khỏi sanh tử."

Vaccha hỏi:

"Nếu có bậc Thánh, đã đoạn trừ dục vọng, không thích dục lạc, tâm không còn ý lại, đã xả bỏ hết, đối với trần và cảnh, đã được giải thoát, làm bậc tôn quý trong thế gian; bậc Thánh như vậy, còn thoái chuyển nữa hay không? Bậc ấy thường trú ở cảnh giới Thánh, còn có thể mất cảnh giới Thánh đó hay không? ...

Bậc Thánh như vậy, trú ở cảnh giới Thánh, mắt mê giải thoát trải qua nhiều năm tháng, không có thối thất. Bậc Thánh như vậy, có thần thức hay không? (chúng con) biết cảnh giới đó được hay không? "

Phật trả lời:

"Như ngọn lửa kia, được gió thổi tắt, không còn thấy đầu nữa, bậc Thánh đắc đạo, thân tâm giải thoát, lặng lẽ vô vi, cũng không thể thấy được".

Vaccha hỏi:

"Bậc Thánh đắc đạo, tịnh lặng vô vi, là không ư? Là diệt ư? Hay là thường trú, không khổ, không tịch? Hy hữu Tôn giả, hãy chỉ bày cho con, cõi mờ sự bề tặc, đoạn trừ mê lầm cho con. Pháp đó phải chăng là cảnh giới của chư Phật tự thân chứng nghiệm... "

Phật trả lời:

"Các bậc Thánh ngộ đạo, vô vi tịch chi, khó mà nghĩ bàn, đó là cảnh siêu việt ý thức. Không có pháp nào thuộc về danh từ ngôn thuyết. Sau khi đã xả bỏ tất cả các pháp, thì cũng đoạn trừ ngôn ngữ, và mọi hành tướng của tâm, xa lìa mọi cảnh giới hý luận và phân biệt"

Trong đoạn văn trên, có thể nói, cái gì có thể nói được về Niết Bàn thì Phật đã nói đầy đủ rồi. Dưới đây, chỉ nêu lên vài điểm chủ yếu:

1/ Niết Bàn không phải là hư vô, mà là một sự tồn tại tích cực, siêu việt mọi nghĩ bàn: Về sự tồn tại của Niết Bàn, Phật đã nhiều lần khẳng định Phật nói: "Này các Tỷ Kheo, có pháp vô vi, bất sanh bất biến; nếu như không có pháp vô vi bất sanh bất biến này, thời các pháp có sanh có biến đổi và non duyên sanh không thể nào giải thoát được".

Đó là những lời khẳng định tích cực và chánh diện đối với Niết Bàn. Trong các kinh điển Phật giáo khác, Niết Bàn thường được gọi là bất tử (amrta). Bất tử không phải là một khái niệm trừu tượng, mà là một sự thực sống động. Cũng không phải là một ý niệm chủ quan mà là một sự thực tồn tại khách quan. Trong kinh Phật, Ma Vương (Mara - Ba tuần) biểu trưng cho sự chết. Còn Niết Bàn là không chết, là bất tử, là sự chiến thắng và chinh phục cái chết. Trong các sách sanskrit, amrta còn có nghĩa là thuốc tiên, với nghĩa Niết Bàn là thuốc tiên, đem lại sự bất tử cho người nào có được thuốc tiên ấy. Niết Bàn là sự tồn tại vĩnh hằng. Người tu đạo, sau khi chứng ngộ Niết Bàn, trong sanh lý của họ, cũng có một sự thay đổi như định. Trong kinh Phật bốn duyên (Mahavastu), ghi lại sự kiện tôn giả Xá Lợi Phất, sau khi ngộ đạo, gặp tôn giả Mục Kiền Liên trên đường đi. Tôn giả Mục Kiền Liên thấy ngài Xá Lợi Phất dung mạo khác thường, bèn hỏi:

"Này tôn giả Xá Lợi Phất! Người bạn của tôi! Dung mạo ông thanh tịnh, thần thái ông trang nghiêm, an ổn, khiến mọi người đều tôn kính. Này tôn giả Xá Lợi Phất! Phải chăng tôn giả đã uống được nước cam lồ bất tử (amrta), đã tìm được con đường lớn dẫn tới sự bất tử? Dung mạo tôn giả giống như là bậc đắc đạo, nó trong sáng như hoa sen nở, thần thái của tôn giả an tường và trang trọng. Tôn giả tìm được ở đâu đạo bất tử khiến cho thần thái của tôn giả trong sáng như thế này?"

Ngài Xá Lợi Phất trả lời: "Này tôn giả Mục Kiền Liên, đúng vậy, tôi đã có được nước cam lồ bất tử, đã tìm ra đường lớn dẫn tới bất tử. (Mahavastu, 3,68 "Buddhist thought in India")

2/ Bất tử: Vì là một thuộc tính quan trọng của Niết bàn, cho nên có đến 15 hình dung từ, có ý nghĩa tương tự, cũng dùng cho Niết Bàn như:

- (1) Vĩnh hằng.
- (2) Kiên cố.
- (3) Bất biến.
- (4) Vô hoại (A-cyuta)
- (5) Không biên giới (vô tế-an-anta)
- (6) Vô chi (aty-antam)
- (7) Vô sanh.
- (8) Vô diệt .
- (9) Vô khởi.
- (10) Bất dị hoại diệt, không dễ bị hoại diệt.
- (11) Phi sanh pháp, Apalokina-a-bhutam- không phaûi là pháp có sanh.
- (12) Vô hành - không có tác nghiệp,
- (13) Vô bệnh - không bệnh,
- (14) Vô lão - không già.
- (15) Vô tử (a-maranam) không chết.

3/ Niết Bàn là an toàn và không có điều ác

Niết Bàn là cảnh giới an toàn và không có điều ác. Có thể kể những hình dung từ có ý tứ an toàn như:

- (1) An toàn (A secure)
 - (2) Nơi trở về để tránh khổ (A refugee) - quy cứu.
 - (3) Nơi ẩn náu (A shelter) tị sở.
 - (4) Nơi tránh nạn (A. asylum) tỵ nạn xứ,
 - (5) Hòn đảo (A. island)
- Các hình dung từ khác có ý từ bỏ điều ác gồm có:
- (1) Đoạn diệt khổ (khô chỉ chi diệt),
 - (2) Dập tắt khổ (khô chỉ chi tức),
 - (3) Không thể gây thương hại,
 - (4) Không có tai họa (an-itikam)
 - (5) An thích, an toàn thích thú (sukha)
 - (6) Cát tường - tốt lành (sivan)
 - (7) Vô ưu
 - (8) Tịch an (santi), yên lặng, vắng lặng.
 - (9) Thanh tịnh, trong sạch,
 - (10) Vô nhiễm (asankihthta) không bị nhơ bẩn,
 - (11) Vô nhiễm - không có phiền.nhiễm.

4/ Niết Bàn là cảnh giới siêu việt

Sau đây là một số từ ngữ, nói lên tính siêu việt của Niết Bàn, phủ định mọi thuộc tính thế gian này của Niết Bàn, đồng thời khẳng định Niết Bàn là chơn lý tối hậu, là mục đích tối cao:

- (1) Giải thoát
- (2) Xuất ly,
- (3) Vứt bỏ (khí xả)
- (4) Không chấp thủ (vô thủ)
- (5) Không rơi vào ba hữu
- (6) Siêu thế,
- (7) Siêu tuyệt,
- (8) An túc (an nghi)
- (9) Duy nhất,
- (10) Thế gian tận,

- (11) Tham diệt.
- (12) Phiền não diệt,
- (13) Vô lậu,
- (14) Vô vi,
- (15) Phi sở tác, không phải do làm ra,
- (16) Không thể thấy - bất khả kiến,
- (17) Kinh lạ (ascaryam)
- (18) Kỳ diệu (adbhutam)
- (19) Vi tế, nhỏ nhiệm,
- (20) Bất khả thuyết ,
- (21) Bất khả lường,
- (22) Không có gì sánh bằng (vô khả luân tỉ)
- (23) Chân đế,
- (24) Chân như Bhutta-tathata.
- (25) Thắng nghĩa Paramartha.
- (26) Tối thượng,
- (27) Chí thiện (seyyo)
- (28) Vô thượng (an-uttaram)
- (29) Duy nhất viên mãn ekamtha (cái hoàn thiện duy nhất).
- (30) Giải thoát tối hậu (apa-vagga).

5/ 66 từ ngữ định nghĩa Niết Bàn theo cuốn "Bàn về Bốn Đế"

Sau đây chúng tôi liệt kê có 66 tên gọi khác của Niết Bàn kèm theo giải thích gọn:

- (1) *Vô vi*: Vi Niết Bàn là không sanh, không diệt, không phải là non duyên sanh. Mọi pháp "bị làm ra", không thể so với Niết Bàn được.
Nguyên văn: Niết Bàn là vô sanh, không lớn lên, không diệt, không do non duyên làm ra, trái ngược với hữu vi, cho nên gọi là vô vi.
- (2) *Vô hạ*: Niết Bàn siêu việt ba giới, không có gì so sánh với Niết Bàn được, cho nên gọi là Vô hạ.
Nguyên văn: Cao vượt ba giới? xa lìa mọi thấp hèn, không có gì so sánh được cho nên gọi là vô hạ.
- (3) *Vô lưu*: Niết Bàn vĩnh viễn xa lìa mọi dòng sanh tử, không còn thuộc phạm vi sanh tử luân hồi, nên gọi là Vô lưu.
Nguyên văn: Vĩnh viễn xa lìa mọi dòng chảy, các dòng (sanh tử) không còn sinh ra nữa, không phải là nơi có vết tích dòng chảy, cho nên gọi là Vô lưu
- (4) *Chân đế*: Niết Bàn không phải là hư vọng, không phải là điên đảo, sai lầm, cũng không trái ngược chơn lý, cho nên gọi là Chơn đế.
Nguyên văn: Không hư vọng, không điên đảo, không tương vi, cho nên gọi là chân đế.
- (5) *Bi ngạn*: Bờ bên kia. Niết Bàn là cảnh giới không còn nghi hoặc và sợ hãi nữa, siêu việt 3 hữu [*], xa lìa mọi công dụng, vượt qua biển lớn sanh tử, vì vậy gọi là bi ngạn.
Nguyên văn: Không bị rắn độc của ba giới làm cho sợ hãi, vượt qua ba hữu, bỏ mọi công dụng, vượt biển sanh tử, cho nên gọi là bi ngạn.

[] Tam hữu: có hai nghĩa,*

A. Dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

B. Sanh hữu, tử hữu, trung hữu, sanh hữu là sự tồn tại của sự sống, tử hữu là sự tồn tại của sự chết, trung hữu là sự tồn tại giữa thời điểm chết và thời điểm tái sinh.

(6) *Thỉnh tế*: (nghe được cái nhỏ nhiệm) Niết Bàn là cảnh giới chỉ có thể đạt tới với trí tuệ cao nhưt, vì vậy mà gọi là thỉnh tế, tức là nắm bắt được cảnh giới của diệu lý, cực kỳ thâm sâu.

Nguyên văn: là chỗ hiểu biết của trí tuệ cao tột, cho nên gọi là thỉnh tế.

(7) *Khó thấy*: (Nan kiến) Niết Bàn không khác gì hoa ưu đàm, rất khó gặp.

Nguyên văn: Như hoa Ưu đàm, thể gian khó gặp vì vậy gọi Nan kiến.

(8) *Vô hoại*: Nguyên văn: không già, không bị phá hoại do đó gọi là vô hoại.

(9) *Hàng tại vô tranh*: Không tranh giành (với ai) thường hằng như vậy:

Nguyên văn: Vốn là không giao động, cho nên gọi là hằng tại vô tranh.

(10) *Vô thất*: không mất. Niết Bàn không phải vì đối trị và đoạn trừ các phiền não, mà bản thân bị suy giảm, cho nên gọi là vô thất.

Nguyên văn: Đối trị, đoạn trừ các pháp, mà thể không bị suy giảm, cho nên gọi là vô thất.

(11) *Vô thí (dụ)* Niết Bàn vượt tất cả những gì chúng ta thấy được trên thế gian này, không có cái gì ngang bằng với nó được, không thể dùng ví dụ dễ hình dung ra Niết Bàn, cho nên gọi là vô thí (dụ).

Nguyên văn: Niết Bàn vượt quá cảnh giới của mắt thấy, không có cái gì ngang bằng được, cho nên gọi là vô thí (dụ).

(12) *Không có hý luận*: Niết Bàn không có các kiến giải sai lầm, nảy sinh từ tham ái, cũng không có kiêu mạn và chấp thủ, vì vậy gọi là không hý luận.

Nguyên văn: không có các kiến giải nảy sinh từ tham ái, không có kiêu mạn và chấp thủ, cho nên gọi là không có hý luận.

(13) *Tịch tịnh*: vắng lặng.

Nguyên văn: lừa si hoặc bị dập tắt, cho nên gọi là tịch tịnh vắng lặng.

(14) *Cam lộ*: Niết Bàn là cảnh giới bất tử mà chư thiên không thể chi phối được, cho nên gọi là cam lộ.

Nguyên văn: Vượt qua cõi chết và thiên giới, cho nên gọi là cam lộ.

(15) *Cực diệu*:

Nguyên văn: rất là đẹp đẽ vắng lặng, đáng thích thú, cho nên gọi cực diệu.

(16) *Chỉ*: là ngưng chỉ.

Nguyên văn: vắng lặng, khoảng khổ cho nên gọi là ngưng chỉ.

(17) *An*: Nguyên văn: Pháp thiện chân thực cho nên gọi là An.

(18) *Ái tận*: hết ái dục. Không còn bị sự thèm khát thiêu cháy, cho nên gọi là ái tận.

(19) *Hy hữu*: Niết Bàn khiến cho nhiều người phải kinh ngạc ngợi khen, cho nên gọi là hy hữu.

Nguyên văn: Làm cho người khác kinh lạ, cho nên gọi là hy hữu.

(20) *Chưa từng được như vậy*: Vị tằng đắc.

Trên con đường sanh tử, không thể đạt tới Niết Bàn, vì vậy nói chưa từng được như vậy.

Nguyên văn: trong sanh tử, chưa từng được công đức ấy, cho nên gọi là vị tằng đắc.

(21) *Vô uổng*: Người (được Niết Bàn), không còn bị hại, cho nên gọi là vô uổng.

(22) *Vô tai*: Không còn tai nạn, trong thì không thiếu gì, ngoài thì không bị ác chướng, cho nên gọi là vô tai.

(23) *Niết Bàn*: Sau khi chứng Niết Bàn, từ nay về sau không còn bị nỗi thống khổ của sanh tử nữa, được sự an lạc cứu kính, đó là ý nghĩa chơn chính của Niết Bàn.

Nguyên văn: không còn phải tái sinh và chịu khổ nữa, được an lạc cứu kính, cho nên gọi là Niết Bàn.

(24) *Nan tư*: nghĩa là khó suy nghĩ tới. Niết Bàn không thể nói là có, không thể nói là không, khó suy nghĩ tới được, cho nên gọi là nan tư.

Nguyên văn: khác với tướng có, không cho nên gọi là nan tư.

(25) *Bất sanh*: Đã có sanh thì có tử, già, lo buồn... Niết Bàn siêu việt mọi khuyết điểm liên quan đến sanh tử, và đem lại niềm vui kỳ diệu của giải thoát, cho nên

gọi là bất sanh.

Nguyên văn: lia khuyết điểm của tái sinh và hưởng niềm vui tương ứng cho nên gọi là bất sinh.

(26) *Không đầu tích*: Các loại ma như phiền não ma, tử ma, ngũ âm ma, tự tại thiên ma, bốn loại ma này đều không quấy nhiễu được cảnh giới Niết Bàn, cho nên gọi là Vô tích, Niết Bàn không có đầu vết để cho các loại ma có thể theo dõi được.

Nguyên văn: Tứ ma bất chí, cố thuyết vô tích.

Nghĩa: bốn loại ma không đến được cho nên gọi là vô tích.

(27) *Phi tác*: Bản thân Niết Bàn không thể do nhơn duyên nào làm ra được cho nên gọi là phi tác.

Nguyên văn: không do nhơn nào tạo ra, cho nên gọi là phi tác.

(28) *Vô ưu*: Không còn lo phiền, người chứng được Niết Bàn, không còn bị lo phiền, cho nên gọi là Vô ưu.

Nguyên văn: Không còn bị khổ, nên gọi là Vô ưu.

(29) *Trú*: Người chứng Niết Bàn an trú ở cảnh giới Niết Bàn không còn thoái chuyển.

Nguyên văn: Người chứng Niết Bàn, vĩnh viễn không còn thoái lui, cảnh giới chứng ngộ là kiên cố, vững chắc.

(30) *Vô đẳng*: Không có pháp nào có thể so sánh được với Niết Bàn.

Nguyên văn: vô pháp năng tợ, cố thuyết vô đẳng (không có pháp nào có thể giống như Niết Bàn).

(31) *Vô cầu*: Người chứng Niết Bàn không còn ham muốn cầu mong gì nữa.

Nguyên văn: Vĩnh ly thủ dục, cố thuyết vô cầu.

Nghĩa là: Vĩnh viễn xa lìa mọi ham muốn về chấp thủ, cho nên gọi là vô cầu.

(32) *Vô biên*: Cảnh giới Niết Bàn siêu việt thời gian, không biến động, không còn có trước và sau.

Nguyên văn: Vô tiền hậu tế, cố thuyết vô biên.

Nghĩa là: Không còn có trước và sau, cho nên gọi là vô biên.

(33) *Vi tế*: Không thể dùng tri thức thế tục để tìm hiểu Niết Bàn.

Nguyên văn: Nan khả thông đạt cố thuyết vi tế.

Nghĩa là: khó chứng đạt tới cho nên gọi là vi tế.

(34) *Vô tổn*: Không tổn hại.

Nguyên văn: Vô hữu bức cố thuyết vô tổn.

Nghĩa là: không còn bị bức bách cho nên gọi là vô tổn.

(35) *Ly dục*: xa lìa dục vọng.

Nguyên văn: Không còn bị ô nhiễm bởi mê hoặc, cho nên gọi ly dục.

(36) *Tịnh*: trong sạch.

Nguyên văn: Vô chur quá thất, cố thuyết danh tịnh.

Nghĩa là: không còn có lỗi lầm khuyết điểm, cho nên gọi là tịnh.

(37) *Giải thoát*: Nguyên văn: kết phước giai đoạn, cố danh giải thoát.

Nghĩa là: mọi ràng buộc đều đoạn trừ, cho nên gọi là giải thoát.

(38) *Phi trú*: cảnh giới Niết Bàn không còn nương tựa vào một pháp nào hết.

Nguyên văn: Ly y chỉ cố thuyết phi trú.

(39) *Phi đối*: Niết Bàn là cảnh giới chơn thực duy nhất, thoát khỏi vòng đối đãi.

Nguyên văn: Vô hữu nhị pháp, cố thuyết phi đối.

(40) *Đẳng*: Niết Bàn ngang bằng với cái tuyệt đối vô thượng.

Nguyên văn: Vô đẳng đẳng cố thuyết vi đẳng.

Nghĩa là: vi là ngang bằng với cái vô đẳng cho nên gọi là đẳng.

(41) *Vô hại*: Niết Bàn siêu việt mọi cảm quan và tri giác.

Nguyên văn: Chur nhập một xứ, cố thuyết vô hại.

Nghĩa là: vì các cảm quan (chur nhập) không còn nữa cho nên gọi là vô hại.

(42) *Thậm thâm*: rất sâu sắc.

Nguyên văn: Ngoại nhân bất đắc, cố danh thậm thâm, người ở bên ngoài không

thê có được, cho nên gọi rất sâu sắc.

(43) *Nan giải*: khó lý giải.

Nguyên văn: tách khỏi chánh giáo của Phật thì khó hiểu biết được cho nên gọi là nan giải.

(44) *Năng độ*: Nguyên văn: nhờ quán công đức (của Niết Bàn) mà khiến cho có thể vượt qua sanh tử, cho nên gọi là năng độ.

(45) *Vô thượng*: Nguyên văn: là vô thượng pháp không có gì ở trên nữa cho nên gọi là vô thượng.

Nghĩa câu này không được rõ. Có thể có nghĩa: Niết Bàn đứng đầu hết thảy các pháp thù thắng, cho nên gọi là vô thượng.

(46) *Thắng*: Nguyên văn: tìm trong biển pháp, nắm bắt được cái chân thực nhưt, là sở đắc của thượng nhân cho nên gọi là vô thắng.

(47) *Thánh quả*: Nguyên văn: nhờ tu vạn hạnh mới có được, là cái tối thượng vô giá cho nên gọi là thánh quả.

(48) *Vô úy*: không sợ hãi.

Nguyên văn: lia các nhân làm cho sợ hãi cho nên gọi là vô úy.

(49) *Bất xả*: Nguyên văn: sự yêu chuộng đối với quả thánh kiên cố, cho nên gọi là bất xả.

(50) *Biển mãn*: khắp cả.

Nguyên văn: Phạm Thánh đều vốn có (khả năng đạt Niết Bàn) như nhau.

(51) *Vô lượng*: Nguyên văn . Công đức của Niết Bàn không thể tán thán hết được.

(52) *Vô số*: Nguyên văn: không thuộc về sáu cõi, cho nên gọi là vô số.

(53) *Bất phá*: Nguyên văn: Thê của Niết Bàn hết sức kiên cố cho nên gọi là bất phá.

(54) *Tôn*: Nguyên văn: không có pháp nào tôn quý hơn.

(55) *Ứng thân*: Xứng đáng được tán thán.

Nguyên văn: Trong sạch hết sức, xứng đáng nhưt được ca ngợi.

(56) *Xá*: nơi ở.

Nguyên văn: là nơi ở của các bậc Thánh.

(57) *Quy y*: Nguyên văn: có thể cứu mọi khổ nạn, cho nên gọi là quy y.

(58) *Vô tranh*: Nguyên văn: gọi là vô tranh vì mọi đấu tranh mâu thuẫn đều ngưng chỉ.

(59) *Vô cầu*: không cầu bần.

Nguyên văn: xa lìa tham, sân, si cho nên gọi là vô cầu.

(60) *Vô giả*: Nguyên văn: vốn có, không bị làm ra cho nên gọi là vô giả.

(61) *Dăng*: đèn.

Nguyên văn: trừ bóng tối vô minh, cho nên gọi là đèn.

(62) *Lạc*: Các cảm thọ đều vắng lặng, cho nên gọi là lạc

(63) *Vô đọa*: không đọa.

Nguyên văn: không đọa vào các cảnh sắc...

(64) *Châu*: hòn đảo.

Nguyên văn: bốn dòng cháy (sinh, lão, bệnh, tử) không nhận chìm được.

(65) *Bất động*: Không thể chứng đạt Niết Bàn với tâm tán loạn được.

Nguyên văn: tâm bất chứng, cố thuyết bất động.

(66) *Vô sở hữu*: không có gì riêng tây.

Qua 66 tên gọi khác nhau của Niết Bàn, chúng ta thấy rõ, ngay trong kinh sách Phật giáo Nguyên thủy, Niết Bàn không phải là cảnh giới hư vô, mà là một cảnh giới thực tại, bao hàm vô lượng công đức. Đến kinh sách Phật giáo Đại thừa, tính tích cực của Niết Bàn càng được bộc lộ rõ hơn nữa. (66 thuộc tính Niết Bàn rút trong Đại Chính 1647- P. 390, 391 "Tứ Đế Luận").

6/ Niết Bàn của Đại Thừa:

Đối với Đại thừa, Niết Bàn chính là Chân Như, là Thực tướng, là Pháp thân. Luận khởi tín viết: "Thê bốn giác của Chân Như toàn hiện tức là Niết Bàn. Thê bốn giác đó chính là trí tuệ sáng suốt. Theo Đại Thừa, thê bốn giác đó chính là trí tuệ Bát nhã, hay trí tuệ Ba La Mật. Thê bốn giác đó có hai tướng:

1. là trí tịnh tướng, là tướng trí tuệ thanh tịnh.
2. là bất tư nghi nghiệp tướng, tức là thê bốn giác đó hàm chứa vô vàn công đức không thể bàn xiết, phục vụ cho sự nghiệp độ sanh của chư Phật Bồ Tát.

Kinh Luận Đại Thừa thường nói tới bốn loại Niết Bàn là: (trích dịch Thành Duy Thức Luận):

a. Bốn lai tự tánh thanh tịnh Niết Bàn:

Tức lý chơn như của tất cả mọi pháp tướng, tuy về khách quan có bị nhiễm ô, nhưng tự tánh của nó vẫn thanh tịnh, có đầy đủ vô lượng công đức, vi diệu, không sanh không diệt, trong suốt như hư không, là sở hữu bình đẳng và vốn có của tất cả mọi loài hữu tình, cùng với tất cả các pháp không phải một, không phải khác, xa lìa mọi tướng, mọi phân biệt, mọi tư duy, mọi ngôn ngữ, chỉ có bậc Thánh chơn chính mới chứng được từ nội tâm, tự tánh nó vốn vắng lặng cho nên gọi là Niết Bàn.

b. Hữu dư y Niết Bàn:

Là Chân Như đã thoát lìa phiền não, nhưng sở y còn có đôi chút khổ vi tế, tuy là mọi chướng ngại đã đoạn tận cho nên gọi là Niết Bàn.

c. Vô dư y Niết Bàn:

Tức là Chân Như đã thoát lìa mọi nỗi khổ sanh tử, không còn phiền não nữa, mọi dư y cũng không còn, mọi khổ đau đều chấm dứt, cho nên gọi là Niết Bàn.

d. Vô trụ xứ Niết Bàn:

Tức là Chân Như đã thoát khỏi sở tri chướng, có đầy đủ lòng đại bi và trí tuệ lớn, phát huy tác dụng hóa độ chúng sanh với số lượng không kể xiết tuy phát huy tác dụng như vậy nhưng vẫn vắng lặng, cho nên gọi là Niết Bàn.

Trong bốn loại Niết Bàn nói trên, thì Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo bộ phái đã từng nói đến Hữu dư y Niết Bàn và Vô dư y Niết Bàn rồi. Nhưng tự tính Niết Bàn và Vô trụ xứ Niết Bàn thì chưa nói tới.

Một trong những điểm mới của các bộ kinh Bát Nhã, xuất hiện trong thời kỳ hưng khởi của Phật giáo Đại Thừa là tất cả mọi chúng sinh đều có Phật tính, là cái mầm giác ngộ sẵn có trong tất cả mọi chúng sanh, là cái khả năng thành Phật của tất cả mọi loài hữu tình. Phật tính đó chính là Bốn lai tự tính Niết Bàn được nói tới trong Thành Duy Thức Luận, cũng chính là trí tuệ Bát Nhã vậy.

Nhân vật tiêu biểu của Đại Thừa giáo là Bồ tát mà nhân cách phi thường được thể hiện trong lời nguyện của Bồ tát Địa Tạng "Địa ngục bất không, thê bất thành Phật...". Ý nói, nếu trong địa ngục còn có chúng sanh, thì thê không thành Phật. Hạnh Bồ tát là hạnh lợi tha triệt để. Vì Bồ tát cho rằng, còn một chúng sanh chưa được giải thoát thì bản thân mình cũng chưa được thực sự giải thoát, còn một chúng sanh còn đau khổ, chưa được an lạc thì bản thân mình cũng đau khổ chưa được thực sự an lạc. Vì có trí tuệ Bát Nhã cho nên vị Bồ Tát không trụ ở sinh tử, vì có lòng đại bi cho nên vị Bồ tát cũng không trụ ở Niết Bàn, vì vậy mà gọi là Vô trụ xứ Niết Bàn.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#)

Chân thành cảm ơn anh Hồ Trung Mỹ đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 02-2002)

[[Trở về trang Thư Mục](#)]

updated: 25-02-2002